

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU
PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU
PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 22



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải dầu Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quốc Phương
Ông Lê Mạnh Tuấn
Ông Nguyễn Thế Anh
Ông Nguyễn Hoài Phương
Ông Nguyễn Xuân Quyền
Ông Hoàng Đức Chính
Ông Nguyễn Đức Thắng

Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2012)
Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2012)
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2012)

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Đức Chính
Ông Nguyễn Xuân Thường
Ông Nguyễn Văn Hồ

Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hoàng Đức Chính
Giám đốc

Ngày 18 tháng 03 năm 2013

Số: 0306 /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 18 tháng 03 năm 2013, từ trang 3 đến trang 22. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi lưu ý đến người đọc báo cáo tài chính Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, lỗ lũy kế của Công ty là 106.252.581.177 đồng (31 tháng 12 năm 2011: 60.326.672.091 đồng), công nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 25.040.530.402 đồng (31 tháng 12 năm 2011: 48.053.783.375 đồng). Các yếu tố này dẫn đến sự hoài nghi về khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai. Kế hoạch của Ban Giám đốc Công ty liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2.

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, trong năm Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179") thay thế thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 201"). Thông tư 179 quy định về việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Thông tư 179 đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày tại thuyết minh số 4.



Trần Đình Nghi Hạ
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0288/KTV
Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 18 tháng 03 năm 2013

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Thị Kim Khánh
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0395/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		81.057.117.399	81.025.790.624
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	38.542.217.134	7.922.389.465
1. Tiền	111		13.772.367.134	3.427.389.465
2. Các khoản tương đương tiền	112		24.769.850.000	4.495.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33.637.059.567	60.216.551.741
1. Phải thu khách hàng	131		30.910.299.135	44.810.548.343
2. Trả trước cho người bán	132		4.644.400.314	3.887.013.621
3. Các khoản phải thu khác	135	6	1.486.249.151	12.647.269.221
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(3.403.889.033)	(1.128.279.444)
III. Hàng tồn kho	140	7	5.139.739.415	7.256.583.921
1. Hàng tồn kho	141		5.139.739.415	7.256.583.921
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.738.101.283	5.630.265.497
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		583.749.354	4.080.920.814
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		386.529.626	18.947.620
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		9.169.275	9.169.275
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.758.653.028	1.521.227.788
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		416.031.030.475	441.532.381.020
I. Tài sản cố định	220		387.938.228.131	408.089.233.754
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	384.120.723.295	405.843.821.920
- Nguyên giá	222		522.193.248.527	522.855.770.335
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(138.072.525.232)	(117.011.948.415)
2. Tài sản cố định vô hình	227		2.211.059.158	2.245.411.834
- Nguyên giá	228		2.364.000.000	2.364.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(152.940.842)	(118.588.166)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		1.606.445.678	-
II. Tài sản dài hạn khác	260		28.092.802.344	33.443.147.266
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	27.571.761.054	32.922.105.976
2. Tài sản dài hạn khác	268		521.041.290	521.041.290
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		497.088.147.874	522.558.171.644

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆTTầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN

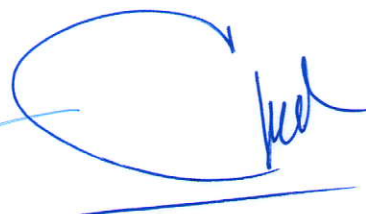
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		462.840.729.051	509.171.921.555
I. Nợ ngắn hạn	310		106.097.647.801	129.079.573.999
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	38.715.900.000	47.904.400.000
2. Phải trả người bán	312		34.253.581.706	36.335.477.821
3. Người mua trả tiền trước	313		1.000.000.000	1.000.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	3.338.548.142	8.495.048.890
5. Phải trả người lao động	315		1.232.631.211	985.382.250
6. Chi phí phải trả	316	11	12.147.756.094	14.556.480.606
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	12	15.406.514.756	19.800.068.540
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.715.892	2.715.892
II. Nợ dài hạn	330		356.743.081.250	380.092.347.556
1. Vay và nợ dài hạn	334	13	356.743.081.250	380.084.965.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	7.382.556
B - NGUỒN VỐN (400=410)	400		34.247.418.823	13.386.250.089
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	34.247.418.823	13.386.250.089
1. Vốn cổ phần	411		140.000.000.000	140.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		500.000.000	500.000.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(66.787.077.820)
4. Lỗi lũy kế	420		(106.252.581.177)	(60.326.672.091)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		497.088.147.874	522.558.171.644



Tăng Kim Thụy Vi
Người lập biểu

Ngày 18 tháng 03 năm 2013



Phan Phong Phúc
Kế toán trưởng



Hoàng Đức Chính
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆTTầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	437.817.057.502	449.215.087.185
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	16	437.817.057.502	449.215.087.185
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	387.952.098.753	409.571.040.206
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		49.864.958.749	39.644.046.979
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	640.034.733	3.588.784.957
6. Chi phí tài chính	22	20	81.242.113.817	31.529.125.339
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		14.392.670.426	12.494.981.013
7. Chi phí bán hàng	24		683.946.835	680.215.851
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.928.492.315	14.667.075.749
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		(47.349.559.485)	(3.643.585.003)
10. Thu nhập khác	31	21	12.614.397.406	32.120.030.090
11. Chi phí khác	32	22	11.190.747.007	28.207.372.483
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.423.650.399	3.912.657.607
13. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(45.925.909.086)	269.072.604
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(45.925.909.086)	269.072.604
16. (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	(3.280)	19



Tang Kim Thuy Vi
Người lập biểu
Ngày 18 tháng 03 năm 2013



Phan Phong Phúc
Kế toán trưởng



Hoàng Đức Chính
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆTTầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012


MẪU B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	01	(45.925.909.086)	269.072.604
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	21.518.201.879	21.599.824.857
Các khoản dự phòng	03	2.275.609.589	1.007.724.328
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	66.696.939.804	14.846.824.698
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(536.253.974)	(818.064.433)
Chi phí lãi vay	06	14.392.670.426	12.494.981.013
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	58.421.258.638	49.400.363.067
Thay đổi các khoản phải thu	9	22.740.087.245	(10.043.454.927)
Thay đổi hàng tồn kho	10	1.476.841.981	2.906.845.645
Thay đổi các khoản phải trả	11	(18.970.846.747)	(6.739.732.717)
Thay đổi chi phí trả trước	12	20.601.867.011	(14.346.427.757)
Tiền lãi vay đã trả	13	(9.363.206.106)	(15.943.524.234)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(42.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	74.864.002.022	5.234.069.077
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(12.771.151.782)	(37.313.636)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	303.000.000	-
3. Tiền thu lãi tiền gửi	27	522.861.396	818.064.433
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(11.945.290.386)	780.750.797
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(32.283.400.000)	(17.038.800.626)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(32.283.400.000)	(17.038.800.626)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	30.635.311.636	(11.023.980.752)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	7.922.389.465	18.853.267.851
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(15.483.967)	93.102.366
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	38.542.217.134	7.922.389.465



Tăng Kim Thụy Vi
Người lập biểu
Ngày 18 tháng 03 năm 2013



Phan Phong Phúc
Kế toán trưởng



Hoàng Đức Chính
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt (gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm Dầu mỏ Phương Đông, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006478 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 4 năm 2007 và các đăng ký thay đổi. Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 137 người (31 tháng 12 năm 2011: 141 người).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 1 chi nhánh: Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt tại Hải Phòng, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0213005424 ngày 15 tháng 6 năm 2009, địa chỉ: khách sạn Dầu khí, số 427 Đà Nẵng, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng LPG (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh); Bán buôn hạt nhựa, sản phẩm nhựa công nghiệp, bao bì bằng nhựa; Kinh doanh vận tải biển, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, đại lý hàng hải, dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở), cho thuê phương tiện vận tải: tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Dạy nghề; Chuẩn bị mặt bằng; Dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; Dịch vụ cung cấp nước ngọt cho tàu biển; Bán buôn thực phẩm, đồ uống không có cồn, máy móc thiết bị và phụ tùng phục vụ sản xuất: công nghiệp, hàng hải, khai khoáng, xây dựng, chế biến và kinh doanh xăng dầu, nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan (trừ gas), xi măng, clanhke, phân bón, hóa chất sử dụng Trong nông nghiệp – công nghiệp chế biến xăng dầu (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); Vận tải hàng hóa bằng xe bồn chở chất lỏng; Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Bốc xếp hàng hóa đường bộ, cảng sông, cảng biển; Tư vấn quản lý, kỹ thuật; Cung ứng và quản lý lao động trong nước; Thoát nước và xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở); Thu gom rác độc hại (không hoạt động tại trụ sở); Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở); Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở); Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (không hoạt động tại trụ sở).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, lỗ lũy kế của Công ty là 106.252.581.177 đồng (31 tháng 12 năm 2011: 60.326.672.091 đồng), công nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 25.040.530.402 đồng (31 tháng 12 năm 2011: 48.053.783.375 đồng). Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã và đang tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, cơ cấu nguồn vốn cho các năm tiếp theo để có thể đảm bảo cho hoạt động của Công ty trong



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

tương lai. Theo đó, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng báo cáo tài chính kèm theo được lập trên giả thiết Công ty hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 quy định về việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Thông tư 179 đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày tại thuyết minh số 4.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và các chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Phương tiện vận tải	8 - 25
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn sẽ không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa lớn và duy tu tàu định kỳ, giá trị vật tư chính thay thế và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ 1,5 đến 5 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Trong năm, Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông. Thông tư 179 quy định về việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10.

Nếu Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo VAS 10, số dư lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ tăng 66.787.077.820 đồng và lỗ kế toán trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ giảm 66.787.077.820 đồng và khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong mục "Vốn chủ sở hữu" trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ có số dư bằng không. Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư 179 và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

500-00
NHÂN
IG TY
LIÊN HỮ
DITT
(NA
P. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	62.512.516	122.222.932
Tiền gửi ngân hàng	13.709.854.618	3.305.166.533
Các khoản tương đương tiền	24.769.850.000	4.495.000.000
	<u>38.542.217.134</u>	<u>7.922.389.465</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng đồng Đô la Mỹ có kỳ hạn dưới một tháng tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Hàng Hải Việt Nam, với lãi suất hàng năm được hưởng là 0,5% (2011: Tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn dưới một tuần, với lãi suất hàng năm được hưởng là 6%).

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cước vận chuyển xăng dầu chưa xuất hóa đơn	278.323.636	11.257.118.220
Phải thu khác (*)	1.207.925.515	1.390.151.001
	<u>1.486.249.151</u>	<u>12.647.269.221</u>

(*) Phải thu khác chủ yếu bao gồm phải thu tiền phạt lưu tàu và các khoản phải thu khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***7. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên vật liệu	5.139.739.415	5.449.685.534
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	1.690.914.929
Hàng hóa	-	115.983.458
	<u>5.139.739.415</u>	<u>7.256.583.921</u>

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2012	545.454.545	521.795.645.793	514.669.997	522.855.770.335
Tăng trong năm	-	-	50.358.000	50.358.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(712.879.808)	-	(712.879.808)
Tại ngày 31/12/2012	<u>545.454.545</u>	<u>521.082.765.985</u>	<u>565.027.997</u>	<u>522.193.248.527</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2012	54.545.455	116.544.225.828	413.177.132	117.011.948.415
Khấu hao trong năm	54.545.463	21.348.096.099	81.207.641	21.483.849.203
Thanh lý, nhượng bán	-	(423.272.386)	-	(423.272.386)
Tại ngày 31/12/2012	<u>109.090.918</u>	<u>137.469.049.541</u>	<u>494.384.773</u>	<u>138.072.525.232</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2012	<u>436.363.627</u>	<u>383.613.716.444</u>	<u>70.643.224</u>	<u>384.120.723.295</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>490.909.090</u>	<u>405.251.419.965</u>	<u>101.492.865</u>	<u>405.843.821.920</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 13, Công ty đã thế chấp các tàu Phương Đông Star, Venus, Jupiter với tổng nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 lần lượt là 520.216.509.149 đồng và 383.070.785.925 đồng (31 tháng 12 năm 2011: 520.216.509.149 đồng và 404.243.463.443 đồng) dùng để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu Khí - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2008/HĐTC-TCĐK-22.16 ngày 26 tháng 2 năm 2008 và số 09/2009/HĐBĐ-CNSG ngày 10 tháng 7 năm 2009.

Thiết bị văn phòng bao gồm một số tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 470.140.997 đồng (31 tháng 12 năm 2011: 282.080.542 đồng).

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí sửa chữa lớn tàu Jupiter	10.172.716.251	15.985.696.966
Chi phí sửa chữa lớn tàu Venus	2.380.586.477	6.255.227.071
Chi phí sửa chữa lớn tàu Phương Đông Star	12.879.847.673	4.286.774.936
Chi phí vật tư phụ tùng sửa chữa	2.138.610.653	6.394.407.003
	<u>27.571.761.054</u>	<u>32.922.105.976</u>

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	-	1.221.481.295
Thuế thu nhập cá nhân	103.805.972	141.873.593
Thuế nhà thầu	3.234.742.170	7.131.694.002
	<u>3.338.548.142</u>	<u>8.495.048.890</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆTTầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi vay phải trả	10.041.159.330	5.011.695.010
Chi phí thuê tàu ngoài	-	7.714.601.874
Chi phí phải trả khác (*)	2.106.596.764	1.830.183.722
	<u>12.147.756.094</u>	<u>14.556.480.606</u>

(*) Chi phí phải trả khác bao gồm chi phí hao hụt vận chuyển, hoa tiêu, cảng phí...

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kinh phí công đoàn	39.687.150	104.645.271
Bảo hiểm xã hội	570.726.025	1.216.770.860
Bảo hiểm y tế	21.344.224	145.385.423
Bảo hiểm thất nghiệp	38.591.867	96.158.674
Nhận ký quỹ của thuyền viên	1.685.890.400	1.630.788.400
Phải trả khác (*)	13.050.275.090	16.606.319.912
	<u>15.406.514.756</u>	<u>19.800.068.540</u>

(*) Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả liên quan đến các dịch vụ tàu biển mà công ty thực hiện hộ cho khách hàng như chi phí cảng vụ, cảng phí, phí lai dất tàu, phí nước ngọt...

13. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Khoản vay dài hạn thể hiện số tiền vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí - Chi nhánh Sài Gòn được giải ngân theo hai hợp đồng sau:

i) Hợp Đồng Tín Dụng Dài Hạn số 04/2007/HĐTD-TC DK-22.16 ký ngày 14 tháng 12 năm 2007 với hạn mức tín dụng là 13.770.000 USD để đầu tư mua tàu Phương Đông Star. Thời hạn vay là 108 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Phương Đông Star theo Hợp Đồng Thế Chấp tài sản số 02/2008/HĐTC-TC DK-22.16 ngày 26 tháng 02 năm 2008. Lãi suất vay được áp dụng cho từng thời điểm và được xác định trên cơ sở SIBOR 6 tháng + 1,6%/năm.

ii) Hợp Đồng Tín Dụng Dài Hạn số 08/2009/HĐTD-CNSG.KD ngày 10 tháng 07 năm 2009 với hạn mức tín dụng là 13.600.000 USD để đầu tư mua tàu Jupiter và Venus. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu Jupiter và Venus theo Hợp đồng Thế chấp tài sản số 09/2009/HĐBĐ-CNSG.KD ngày 10 tháng 07 năm 2009. Lãi suất vay được áp dụng bằng bình quân lãi suất tiết kiệm USD của cá nhân kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank cộng biên độ 2,52%/năm.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	38.715.900.000	47.904.400.000
Trong năm thứ hai	45.793.000.000	65.451.990.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	159.234.750.000	270.061.055.000
Sau năm năm	151.715.331.250	44.571.920.000
	<u>395.458.981.250</u>	<u>427.989.365.000</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	<u>(38.715.900.000)</u>	<u>(47.904.400.000)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>356.743.081.250</u>	<u>380.084.965.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***14. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Vốn cổ phần đã phát hành**

	31/12/2012	31/12/2011
Số lượng cổ phần được phép phát hành	14.000.000	14.000.000
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	140.000.000.000	140.000.000.000
Đã được phát hành và góp vốn đủ:		
Số lượng cổ phần đã được phát hành và góp vốn đủ	14.000.000	14.000.000
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	140.000.000.000	140.000.000.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2011	140.000.000.000	500.000.000	(42.609.206.011)	(60.595.744.695)	37.295.049.294
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(24.177.871.809)	-	(24.177.871.809)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	269.072.604	269.072.604
Số dư tại ngày 31/12/2011	140.000.000.000	500.000.000	(66.787.077.820)	(60.326.672.091)	13.386.250.089
Chênh lệch tỷ giá	-	-	66.787.077.820	-	66.787.077.820
Lỗ trong năm	-	-	-	(45.925.909.086)	(45.925.909.086)
Số dư tại ngày 31/12/2012	140.000.000.000	500.000.000	-	(106.252.581.177)	34.247.418.823

Chi tiết góp vốn của các cổ đông lớn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	75.974.870.000	54,3%	75.974.870.000	54,3%
Công ty TNHH Tân Long	10.000.000.000	7,1%	10.000.000.000	7,1%
Các cổ đông khác	54.025.130.000	38,6%	54.025.130.000	38,6%
	140.000.000.000	100%	140.000.000.000	100%

15. BÁO CÁO BỘ PHẬN**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 4 bộ phận hoạt động – Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận chuyển; Bộ phận kinh doanh thương mại; Bộ phận kinh doanh dịch vụ đại lý và Bộ phận kinh doanh các hoạt động khác. Công ty lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của bốn bộ phận kinh doanh như sau:

Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận chuyển - kinh doanh vận tải bằng tàu
 Bộ phận kinh doanh thương mại – kinh doanh mua bán mặt hàng xăng dầu và hàng hóa khác
 Bộ phận kinh doanh dịch vụ đại lý – kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển
 Bộ phận kinh doanh các hoạt động khác – kinh doanh từ cấp dầu, chuyển tải, cảng phí,...

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Bảng cân đối kế toán

Tại 31/12/2012	Dịch vụ vận chuyển VND	Thương mại VND	Dịch vụ đại lý VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	429.573.741.907	17.385.715.176	932.022.438	4.890.639.890	452.782.119.411
Tài sản không phân bổ					44.306.028.463
Tổng tài sản hợp nhất					497.088.147.874
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	405.362.779.162	20.027.270.217	11.055.577.785	17.676.092.420	454.121.719.584
Nợ phải trả không phân bổ					8.719.009.467
Tổng nợ phải trả hợp nhất					462.840.729.051

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

2012	Dịch vụ vận chuyển VND	Thương mại VND	Dịch vụ đại lý VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần ra bên ngoài	195.261.588.551	206.556.957.381	3.541.576.107	32.456.935.463	437.817.057.502
Doanh thu thuần cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu	195.261.588.551	206.556.957.381	3.541.576.107	32.456.935.463	437.817.057.502

Kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận/(lỗ) gộp	49.012.085.291	900.231.224	1.064.638.015	(1.111.995.781)	49.864.958.749
Chi phí không phân bổ					(16.612.439.150)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					33.252.519.599
Doanh thu hoạt động tài chính					640.034.733
Lợi nhuận khác					1.423.650.399
Chi phí tài chính					(81.242.113.817)
Lỗ kế toán trước thuế					(45.925.909.086)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					-
Lỗ trong năm					(45.925.909.086)
Thông tin khác					
Khấu hao					21.518.201.879

Bảng cân đối kế toán

Tại 31/12/2011	Dịch vụ vận chuyển VND	Thương mại VND	Dịch vụ đại lý VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	506.549.355.144	3.697.487.413	673.557.770	1.515.019.304	512.435.419.631
Tài sản không phân bổ					10.122.752.013
Tổng tài sản hợp nhất					522.558.171.644
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	453.538.810.158	3.353.311.200	15.758.962.796	8.685.384.078	481.336.468.232
Nợ phải trả không phân bổ					27.835.453.323
Tổng nợ phải trả hợp nhất					509.171.921.555

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

2011	Dịch vụ vận chuyển VND	Thương mại VND	Dịch vụ đại lý VND	Hoạt động khác VND	Tổng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần ra bên ngoài	256.962.148.834	151.415.813.922	4.490.037.022	36.347.087.407	449.215.087.185
Doanh thu thuần cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu	256.962.148.834	151.415.813.922	4.490.037.022	36.347.087.407	449.215.087.185

Kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận/(lỗ) gộp	36.050.257.069	424.844.821	1.169.415.102	1.999.529.987	39.644.046.979
Chi phí không phân bổ					(15.347.291.600)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					24.296.755.379
Doanh thu hoạt động tài chính					3.588.784.957
Lợi nhuận khác					3.912.657.607
Chi phí tài chính					(31.529.125.339)
Lợi nhuận trước thuế					269.072.604
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆTTầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Lợi nhuận trong năm	269.072.604
Thông tin khác	
Khấu hao	<u>21.599.824.857</u>

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty có trụ sở chính tại thành phố Hồ Chí Minh và hai chi nhánh tại Hải Phòng và Hậu Giang (Chi nhánh Hậu Giang đã dừng hoạt động trong năm 2012). Tuy nhiên, chủ yếu doanh thu phát sinh, kết quả kinh doanh, tài sản chủ yếu phát sinh tại trụ sở chính. Doanh thu của trụ sở chính chiếm 96% tổng doanh thu năm 2012. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam Số 28 - “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Doanh thu vận chuyển xăng dầu - tàu thuê ngoài	10.468.852.580	69.094.640.214
Doanh thu vận chuyển xăng dầu - tàu công ty	182.949.795.335	177.692.866.711
Doanh thu đại lý tàu biển	3.541.576.107	4.490.037.022
Doanh thu thương mại	206.556.957.381	151.415.813.922
Doanh thu vận chuyển hàng rời	1.842.940.636	10.174.641.909
Doanh thu hoạt động khác	32.456.935.463	36.347.087.407
	<u>437.817.057.502</u>	<u>449.215.087.185</u>

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Giá vốn vận chuyển xăng dầu - tàu thuê ngoài	9.727.012.337	65.561.468.838
Giá vốn vận chuyển xăng dầu - tàu công ty	134.708.651.389	145.310.025.445
Giá vốn đại lý tàu biển	2.476.938.092	3.320.621.920
Giá vốn thương mại	205.656.726.157	150.990.969.101
Giá vốn vận chuyển hàng rời	1.813.839.534	10.040.397.482
Giá vốn hoạt động khác	33.568.931.244	34.347.557.420
	<u>387.952.098.753</u>	<u>409.571.040.206</u>

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	67.947.758.984	92.622.923.579
Chi phí nhân công	19.154.567.887	20.458.820.419
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.518.201.879	21.569.525.003
Chi phí dịch vụ mua ngoài	255.444.096.807	99.907.603.535
Chi phí khác	38.657.596.635	18.193.420.124
	<u>402.722.222.192</u>	<u>252.752.292.660</u>

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012 <u>VND</u>	2011 <u>VND</u>
Lãi tiền gửi	522.861.396	818.064.433
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	117.173.337	2.704.505.510
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	66.215.014
	<u>640.034.733</u>	<u>3.588.784.957</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	14.392.670.426	12.494.981.013
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	152.503.587	4.187.319.628
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	66.696.939.804	14.846.824.698
	<u>81.242.113.817</u>	<u>31.529.125.339</u>

21. THU NHẬP KHÁC

	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu từ hao hụt xăng dầu	8.035.398.795	26.759.505.064
Thu từ thanh lý tài sản cố định	303.000.000	-
Thu nhập khác (*)	4.275.998.611	5.360.525.026
	<u>12.614.397.406</u>	<u>32.120.030.090</u>

(*) Thu nhập khác bao gồm thu nhập từ tiền bồi thường bảo hiểm, thu tiền phạt lưu tàu, xử lý chênh lệch công nợ...

22. CHI PHÍ KHÁC

	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí hao hụt xăng dầu	10.086.273.488	26.445.935.562
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	289.607.422	-
Chi phí khác (*)	814.866.097	1.761.436.921
	<u>11.190.747.007</u>	<u>28.207.372.483</u>

(*) Chi phí khác bao gồm xử lý chênh lệch công nợ phạt do giao hàng không đúng kế hoạch.

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	(45.925.909.086)	269.072.604
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	439.446.937	4.156.677.728
(Lỗ)/Thu nhập chịu thuế	(45.486.462.149)	4.425.750.332
Lỗi lũy kế mang sang	-	(4.425.750.332)
(Lỗ)/Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>-</u>	<u>-</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có khoản lỗ chưa sử dụng là 104.221.944.729 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011: 58.735.482.580 đồng) có thể được khấu trừ vào lợi nhuận tính thuế trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ này do Công ty không chắc chắn thu được lợi nhuận trong tương lai để khấu trừ. Các khoản lỗ sẽ được phép chuyển trong vòng năm năm kể từ năm phát sinh và sẽ hết hạn chuyển theo lịch biểu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

<u>Năm</u>	<u>Khoản lỗ tính thuế</u> <u>VND</u>
2013	9.220.970.373
2015	49.514.512.207
2017	45.486.462.149
	<u>104.221.944.729</u>

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

24. LÃI/ (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>2012</u> <u>VND</u>	<u>2011</u> <u>VND</u>
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán sau thuế	(45.925.909.086)	269.072.604
Cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>14.000.000</u>	<u>14.000.000</u>
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(3.365)</u>	<u>19</u>

25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>2012</u> <u>VND</u>	<u>2011</u> <u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>2.272.260.064</u>	<u>1.640.413.280</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>31/12/2012</u> <u>VND</u>	<u>31/12/2011</u> <u>VND</u>
Trong vòng một năm	2.153.960.064	1.640.413.280
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	<u>538.490.016</u>	<u>1.474.122.528</u>
	<u>2.692.450.080</u>	<u>3.114.535.808</u>

Chi phí thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê phải trả cho việc thuê 332 m² tại P.801 và P.806, tầng 8, tòa nhà Citylight, 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2012</u> <u>VND</u>	<u>31/12/2011</u> <u>VND</u>
Các khoản vay	395.458.981.250	427.989.365.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	38.542.217.134	7.922.389.465
Nợ thuần	356.916.764.116	420.066.975.535
Vốn chủ sở hữu	<u>34.247.418.823</u>	<u>13.386.250.089</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>10,42</u>	<u>31,38</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.542.217.134	7.922.389.465
Phải thu khách hàng và phải thu khác	28.992.659.253	56.329.538.120
Các khoản ký quỹ	579.041.290	537.041.290
Tổng cộng	68.113.917.677	64.788.968.875
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	395.458.981.250	427.989.365.000
Phải trả người bán và phải trả khác	49.660.096.462	56.135.546.361
Chi phí phải trả	12.147.756.094	14.556.480.606
Tổng cộng	457.266.833.806	498.681.391.967

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	25.988.575.743	6.015.085.615	409.802.263.190	438.320.818.701
Đô la Singapore (SGD)	-	-	658.624.279	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆTTầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lỗ trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm một khoản tương ứng với số tiền là 38.381.368.745 đồng (năm 2011: 43.230.573.309 đồng)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng từ một số khách hàng.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2012	Dưới 1 năm <u>VND</u>	Từ 1 năm trở lên <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.542.217.134	-	38.542.217.134
Phải thu khách hàng và phải thu khác	28.992.659.253	-	28.992.659.253
Các khoản ký quỹ	58.000.000	521.041.290	579.041.290
Tổng cộng	<u>67.592.876.387</u>	<u>521.041.290</u>	<u>68.113.917.677</u>
Các khoản vay	38.715.900.000	356.743.081.250	395.458.981.250
Phải trả người bán và phải trả khác	49.660.096.462	-	49.660.096.462
Chi phí phải trả	12.147.756.094	-	12.147.756.094
Tổng cộng	<u>100.523.752.556</u>	<u>356.743.081.250</u>	<u>457.266.833.806</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>(32.930.876.169)</u>	<u>(356.222.039.960)</u>	<u>(389.152.916.129)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1 năm trở lên VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.922.389.465	-	7.922.389.465
Phải thu khách hàng và phải thu khác	53.992.929.434	2.336.608.686	56.329.538.120
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	16.000.000	521.041.290	537.041.290
Tổng cộng	61.931.318.899	2.857.649.976	64.788.968.875
Các khoản vay	47.904.400.000	380.084.965.000	427.989.365.000
Phải trả người bán và phải trả khác	56.135.546.361	-	56.135.546.361
Chi phí phải trả	14.556.480.606	-	14.556.480.606
Tổng cộng	118.596.426.967	380.084.965.000	498.681.391.967
Chênh lệch thanh khoản thuần	(56.665.108.068)	(377.227.315.024)	(433.892.423.092)

Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu cước vận chuyển		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	101.330.550.864	146.807.184.218
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	-	1.703.137.695
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	22.590.317.030	58.512.402.174
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	68.375.558.119	-
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	29.743.696.691	-
Doanh thu chuyên tải		
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Đình Vũ	815.647.066	-
Doanh thu thương mại		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	4.066.545.455	-
Mua hàng/dịch vụ trong năm		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	2.853.972.024	-
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng (PVOil)	21.081.457.709	24.721.947.450
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu (PVOil)	-	17.184.876.884
Công ty Bảo hiểm Dầu khí – Chi nhánh Vũng Tàu	5.934.598.721	4.391.791.807
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch (Trước đây là công ty đóng mới và sửa chữa Phương tiện nổi PTSC)	6.665.560.477	6.089.600.231
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cừ Long	47.474.169.511	-
Phát sinh khác trong năm (chi phí xăng dầu hao hụt)		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	9.020.578.231	26.190.205.338
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	1.082.470.473	1.201.463.928
Các khoản vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam		
- Gốc vay đã thanh toán	32.263.250.000	17.038.800.626
- Lãi vay đã thanh toán	9.342.730.147	12.494.981.013



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

Tầng 8 - Tòa nhà Citilight, 45 Võ Thị Sáu, phường Đakao, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong năm như sau:

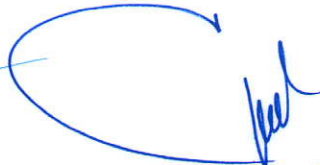
	2012	2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương, thưởng	2.103.168.937	1.615.634.928

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	12.290.280.639	26.852.670.698
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	-	4.207.128
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	-	13.790.941.690
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	3.291.669.590	-
Phải thu khác		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	278.323.636	10.815.905.755
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	-	1.111.643.400
Công ty CP vận tải xăng dầu Phương Nam	-	441.212.465
Phải trả người bán		
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng (PVOil)	-	7.332.524.850
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu (PVOil)	-	486.020.250
Công ty Bảo hiểm Dầu khí – Chi nhánh Vũng Tàu	-	967.826.915
Công ty Cổ phần Đóng Mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch (trước đây là Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện nổi PTSC)	2.224.628.138	2.282.856.857
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cừu Long	14.959.539.142	-
Phải trả khác		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	1.082.470.473	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	431.614.951	-
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	4.965.726.344	5.952.339.595
Ban quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	-	1.615.117.990
Các khoản vay		
Tổng công ty tài chính cổ phần dầu khí Việt Nam	-	-
- Gốc vay phải trả	395.458.981.250	427.989.365.000
- Lãi vay phải trả	10.041.159.330	5.011.695.011



Tăng Kim Thụy Vi
Người lập biểu
Ngày 18 tháng 03 năm 2013



Phan Phong Phúc
Kế toán trưởng



Hoàng Đức Chính
Giám đốc

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +84 4 6288 3568
Fax: +84 4 6288 5678

Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh

Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +848 3910 0751
Fax: +848 3910 0750

www.deloitte.com/vn

© 2013 Deloitte Vietnam